

ĐỀ SỐ 1

Trắc nghiệm

Câu 1: Câu nào dưới đây là sai?

- A. Công dụng của dấu ngoặc đơn là đánh dấu phần chú thích.
- B. Công dụng của dấu ngoặc đơn là đánh dấu phần bổ sung thêm.
- C. Công dụng của dấu ngoặc đơn là đánh dấu phần thuyết minh.
- D. Cả ba ý trên đều đúng

Câu 2: Từ nào dưới đây không thuộc trường từ vựng "gương mặt"?

- A. Cánh tay
- B. Gò má
- C. Đôi mắt
- D. Lông mi

Câu 3: Từ nào dưới đây là từ tượng hình?

- A. Ve vẩy
- B. Ắng ắng
- C. Ư ử
- D. Gâu gâu

Câu 4: Đọc đoạn thơ sau:

*Và má muôn đời Nam Bộ vẫn chờ tôi.
Má ngược đầu lên má biểu: Thằng Hai!
Gặp bữa, con ngồi xuống đây ăn cơm với má!"*

Từ nào sau đây là từ ngữ địa phương vùng Nam Bộ?

- A. Biểu
- B. Đầu
- C. Ngồi
- D. Ngược

Câu 5: Câu "Các lông mao này có chức năng quét dọn bụi bặm và các vi khuẩn theo luồng không khí tràn vào phế quản và phổi..." là:

- A. Câu ghép B. Câu đơn
C. Câu đặc biệt D. Tất cả đều sai

Câu 6: Dấu ngoặc kép trong "Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông" được dùng để làm gì?

- A. Đánh dấu từ ngữ, đoạn dẫn trực tiếp.
B. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.
C. Đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san,... dẫn trong câu văn.
D. Tất cả đều đúng

Câu 7: Tác giả của văn bản "Lão Hạc" là ai?

- A. Nam Cao B. Ngô Tất Tố
C. Nguyên Hồng D. Thanh Tịnh

Câu 8: "Tức nước vỡ bờ" được rúc từ tập truyện nào?

- A. Tắt đèn B. Quê mẹ
C. Lão Hạc D. Những ngày

II. Tự luận

Câu 1 (2 điểm):

- a. Chép đúng, chép đẹp theo trí nhớ bài thơ "Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác"
b. Bài thơ trên của ai? Viết theo thể thơ nào?

Câu 2 (3 điểm): Nêu đặc điểm của câu ghép? Xác định câu ghép có trong đoạn văn sau và cho biết mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong mỗi câu ghép:

Vào mùa sương, ngày ở Hạ Long như ngừng lại. Buổi sớm, mặt trời lên ngang cột buồm, sương tan, trời mới quang. Buổi chiều, nắng vừa nhạt, sương đã buông nhanh xuống mặt biển ..."

(Thi Sảnh)

Câu 3 (5 điểm): Thuyết minh về cây phượng vĩ.

Đáp án

Tự luận

Câu 1 (2 điểm):

a. Chép đúng, chép đẹp theo trí nhớ bài thơ "Muôn làm thằng Cuội" mỗi câu đúng, đẹp được (1điểm).

MUÔN LÀM THẰNG CUỘI
*Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!
 Trần thế em nay chán nửa rồi,
 Cung quế đã ai ngồi đó chưa?
 Cành đa xin chị nhắc lên chơi.
 Có bầu có bạn can chi tủi,
 Cùng gió, cùng mây thế mới vui.
 Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
 Tựa nhau trông xuống thế gian cười.*

b. Bài thơ trên của tác giả Tản Đà. (0,5 điểm)

Bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật. (0,5 đ)

Câu 2 (3 điểm):

- Câu ghép là câu do hai hoặc nhiều cụm chủ vị không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm chủ vị này được gọi là một vế câu. (1 điểm)
- Đoạn văn có hai câu ghép: (0,5 điểm)
- Buổi sớm, mặt trời lên ngang cột buồm, sương tan, trời mới quang. (0,5 điểm)
- Buổi chiều, nắng vừa nhạt, sương đã buông nhanh xuống mặt biển. (xác định đúng mỗi câu ghép được (0,5 điểm)
- Mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong hai câu ghép là quan hệ nguyên nhân. (0,5 điểm)

Câu 3 (5 điểm):

A. Yêu cầu chung:

1. Về nội dung: Học sinh phải nhớ chính xác về đặc điểm, cấu tạo, lợi ích, của cây phượng và kiểu bài thuyết minh về loài vật (loài cây).

2. Về hình thức: Học sinh nắm vững phương pháp làm bài văn thuyết minh về loài cây. Ngôn từ chính xác, dễ hiểu; cách viết sinh động, hấp dẫn, đảm bảo tính khách quan. Đảm bảo bố cục

chung của bài viết. Nhận diện được câu ghép và mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong câu ghép.

B. Yêu cầu cụ thể:

Dàn ý:

a) Mở bài: Giới thiệu cây phượng là loài cây đẹp, gần gũi, gắn bó với tuổi học trò.

b) Thân bài:

* Đặc điểm chung (sinh học) của cây phượng:

- Phượng là loài cây thân gỗ, phát triển không nhanh nhưng cao to.
- Cây không ưa nước, sống ở nơi khô ráo.
- Phượng cùng họ với cây vang, thường được trồng để lấy bóng mát.

* Cấu tạo các bộ phận của cây phượng:

- Thân phượng thẳng, cao, nhiều tán xòe rộng, thưa.
- Vỏ màu nâu sẫm, trên thân không nhiều mắt, mấu như cây bàng.
- Phượng là cây rễ chùm, cây to rễ nổi trên mặt đất.
- Lá thuộc loại lá kép, phiến lá nhỏ như lá me, xanh ngắt về mùa hè và vàng khi mùa thu.
- Hoa thuộc họ đậu, mọc từng chùm, mỗi hoa có nhiều cánh như cánh bướm.
Nhị hoa vàng, cong như những chiếc vòi nhỏ vươn xòe ra trên cánh.

Hoa phượng nở vào mùa hè, màu đỏ thắm; khi hoa nở rộ, cả cây phượng như mâm xôi gác không lồ.

- Quả phượng hình quả đậu, quả me nhưng to và dài, có màu xanh; khi quả khô màu nâu sẫm.

* Lợi ích của cây phượng đối với đời sống con người:

- Cây phượng cung cấp bóng mát nên được trồng nhiều ở đường phố, trường học.
- Phượng gắn với kỉ niệm tuổi thơ: báo hiệu mùa hè về; gợi bao kỉ niệm về trường lớp, bạn bè...
- Hoa phượng đã đi vào thơ, vào nhạc, khơi nguồn cảm hứng cho các nghệ sĩ.

c) Kết bài:

Phượng mãi mãi là người bạn gần gũi, thân thiết của tuổi học trò.

Biểu điểm câu 3

Hình thức: (1 điểm)

Đúng kiểu bài văn thuyết minh về loài vật, bố cục đảm bảo, diễn đạt lưu loát, trình bày sạch đẹp, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp

Nội dung: (4 điểm)

Mở bài đúng yêu cầu của đề (0,5 điểm)

Thân bài (3 điểm)

- Thuyết minh được đặc điểm chung của cây phượng (0,5 điểm).
- Thuyết minh được cấu tạo các bộ phận của cây phượng (2 điểm).
- Thuyết minh được lợi ích của cây phượng trong đời sống (0,5 điểm).

Kết bài đúng yêu cầu của đề (0.5 điểm).

Lưu ý: Hướng dẫn chấm là những nội dung cơ bản, học sinh phải đảm bảo đạt được trong bài làm của mình. Ngoài ra, trong quá trình chấm, giáo viên phát hiện những sáng tạo của học sinh để cho điểm phù hợp.

- Điểm trừ nội dung kiến thức căn cứ vào đáp án, dàn ý và bài làm của học sinh ở từng phần thiếu nhiều hay ít để trừ.
- Điểm trừ tối đa đối với bài viết (câu 3) không đảm bảo bố cục là 1 điểm.
- Điểm trừ tối đa đối với bài viết mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp, lỗi diễn đạt là 1 điểm.

ĐỀ SỐ 2

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3.0 điểm) (Thời gian 15 phút)

Khoanh tròn vào chữ cái (a, b, c hoặc d) trước đáp án đúng.

Câu 1: Nội dung chính của đoạn trích "Trong lòng mẹ" (Nguyễn Hồng) chủ yếu

- trình bày nỗi đau khổ của mẹ bé Hồng.
- trình bày tâm địa độc ác của người cô bé Hồng.
- trình bày sự tủi hờn của bé Hồng khi gặp mẹ.
- trình bày diễn biến tâm trạng của bé Hồng.

Câu 2: Nói quá là

- a. cách thức sắp đặt để đối chiếu hai sự vật, hiện tượng có mối liên hệ giống nhau.
- b. biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng.
- c. phương tiện tu từ làm giảm nhẹ, làm yếu đi một đặc trưng tích cực nào đó của một đối tượng.
- d. phương thức chuyển tên gọi từ vật này sang vật khác.

Câu 3: Trong tác phẩm "Lão Hạc" (Nam Cao), nhân vật lão Hạc là một người

- a. có số phận bi thương nhưng có phẩm chất cao quý.
- b. sống ích kỉ đến mức gàn dở, ngu ngốc.
- c. có thái độ sống vô cùng cao thượng.
- d. có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ.

Câu 4: Trong truyện "Cô bé bán diêm" tác giả An-đec-xen đã làm nổi bật hoàn cảnh của cô bé bằng biện pháp nghệ thuật

- a. Tương phản.
- b. Hoán dụ.
- c. Liệt kê.
- d. Ẩn dụ.

Câu 5: Các từ tượng hình và từ tượng thanh thường được dùng trong các kiểu văn bản

- a. tự sự và nghị luận.
- b. tự sự và miêu tả
- c. miêu tả và nghị luận.
- d. nghị luận và biểu cảm.

Câu 6: Theo em trong thực tế, biện pháp tốt nhất để hạn chế sự gia tăng dân số là

- a. đẩy mạnh sự phát triển kinh tế của các quốc gia, châu lục.
- b. đẩy mạnh sự phát triển giáo dục, nhất là giáo dục với phụ nữ.
- c. tạo nên sự ổn định về chính trị của các quốc gia, châu lục.
- d. đẩy mạnh phát triển văn hóa, xã hội của quốc gia, châu lục.

Câu 7: Trong "Hai cây phong" (Ai-ma-tốp), người kể chuyện giới thiệu mình là một

- a. nhà báo.
- b. nhạc sĩ.
- c. họa sĩ.
- d. nhà văn.

Câu 8: Văn bản "Ôn dịch thuốc lá" có sự kết hợp chặt chẽ giữa các phương thức biểu đạt

- a. thuyết minh và tự sự.
- b. tự sự và biểu cảm.
- c. nghị luận và thuyết minh.
- d. biểu cảm và thuyết minh.

Câu 9: Trường từ vựng là tập hợp tất cả các từ

- a. có chung cách phát âm.
- b. có ít nhất một nét chung về nghĩa.
- c. cùng từ loại (danh từ, động từ,...).
- d. có chung nguồn gốc (từ Thuần Việt, từ mượn).

Câu 10: Trong đoạn trích "Đánh nhau với cối xay gió" (Xéc-van-tet), Đôn Ki-hô-tê thất bại khi đánh nhau với những chiếc cối xay gió là do

- a. lão không có đủ vũ khí lợi hại.
- b. lão không lường trước được sức mạnh của kẻ thù.
- c. đầu óc lão mê muội, không tỉnh táo.
- d. những chiếc cối xay gió được phù phép.

Câu 11: Chị Dậu được coi là điển hình về người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945 vì chị là

- a. người nông dân nghèo khổ nhất từ trước đến nay.
- b. người nông dân mạnh mẽ nhất từ trước đến nay.
- c. người phụ nữ nông dân luôn nhịn nhục trước sự áp bức của bọn thực dân phong kiến.
- d. người phụ nữ nông dân phải chịu nhiều cực khổ nhưng vẫn giữ được những phẩm chất vô cùng cao đẹp.

Câu 12: Dấu ngoặc kép trong ví dụ:

- Trong từng phần, tùy vào thực tế bài làm của học sinh, giáo viên xem xét để trừ điểm về các lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt, trình bày ... sao cho phù hợp.
- Giáo viên cần vận dụng đáp án và biểu điểm một cách linh hoạt; căn cứ tình hình thực tế bài làm của học sinh để đánh giá cho điểm hợp lý; trân trọng và đánh giá cao những suy nghĩ sáng tạo của học sinh.

* Đáp án và biểu điểm:

Câu 1: Học sinh trả lời được:

Dấu hai chấm được dùng để:

- Đánh dấu (báo trước) phần giải thích, thuyết minh cho một phần trước đó; (0,5đ)
- Đánh dấu (báo trước) lời dẫn trực tiếp (dùng với dấu ngoặc kép) hay lời đối thoại (dùng với dấu gạch ngang) (0,5đ)

Câu 2: Chiếc lá đỏ xứng đáng được coi là một kiệt tác (0,5đ)

Vì:

- Nó được vẽ trong một hoàn cảnh rất đặc biệt mà lại sinh động giống như thật -> Thể hiện một tài năng lớn. (0,25đ)
- Nó có giá trị nhân sinh: Cứu sống một mạng người. (0,25đ)

Câu 3: Yêu cầu chung:

- Làm đúng kiểu bài văn thuyết minh
- HS có thể lựa chọn bất cứ một đồ dùng trong học tập hoặc trong sinh hoạt nào mà mình hiểu biết nhất, gần gũi nhất để thuyết minh. Nhưng phải cung cấp được những tri thức khách quan, xác thực về đối tượng cần thuyết minh. (Ví dụ: Chiếc phích nước, chiếc mâm, quạt điện., chiếc nón bảo hiểm, chiếc cặp sách, cây bút bi,...)
- Cách trình bày cần ngắn gọn, rõ ràng, nêu bật được những đặc điểm tiêu biểu của đối tượng
- Ngôn ngữ phải chính xác, diễn đạt mạch lạc. Bài viết sử dụng đan xen, linh hoạt các phương pháp thuyết minh.

a. Mở bài: (0,5đ)

Dẫn dắt, giới thiệu khái quát về vai trò của đồ dùng sinh hoạt mà mình thuyết minh đối với con người nói chung.

(Cũng có thể mở bài bằng cách xây dựng một tình huống qua đó thể hiện vai trò của đồ dùng sinh hoạt đó đối với gia đình mình đồng thời gợi dẫn người đọc chú ý vào đối tượng)

b. Thân bài: (4,0đ)

Lần lượt giới thiệu những tri thức khách quan về đối tượng

Nguồn gốc, phân loại: Xuất hiện từ bao giờ? Ở đâu? Chia làm mấy loại? Căn cứ vào tiêu chí nào? (1.0)

Thuyết minh về đặc điểm cấu tạo của đối tượng: (2.0 đ)

- Hình dáng bên ngoài: màu sắc, kiểu dáng, chất liệu.....
- Cấu tạo bên trong: gồm những bộ phận nào? Đặc điểm công dụng của từng bộ phận?

Vai trò ý nghĩa của đồ đó đối với bản thân và với mọi người (0.5 đ)

Cách sử dụng đồ dùng đó đó ra sao? Để dùng được lâu và hiệu quả thì cần bảo quản nó như thế nào? (0.5 đ)

c. Kết bài: (0,5đ)

Tình cảm của em với đồ vật thuyết minh như thế nào? (Niềm tự hào, gắn bó)

Suy nghĩ về tương lai, thể hiện niềm tin ...

ĐỀ SỐ 3

A. Phần Văn - Tiếng Việt: (4 điểm)

Câu 1: (1 điểm): Nêu nội dung của đoạn trích "Trong lòng mẹ" của nhà văn Nguyên Hồng?

Câu 2: (1 điểm): Qua văn bản "Chiếc lá cuối cùng" của O.Hen ry, tại sao nói chiếc lá cụ Bơ - men vẽ được coi là một kiệt tác?

Câu 3: (1 điểm): Câu ghép là gì? Cho ví dụ và phân tích quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghép đó?

Câu 4: (1 điểm): Nêu công dụng của dấu ngoặc kép?

B. Phần Tập làm văn: (6 điểm)

Câu 5: Giới thiệu về một vật dụng trong gia đình.

Đáp án

Câu 1 (1đ) Nêu nội dung đoạn trích "Trong lòng mẹ"

- Kể lại lại một cách chân thực, cảm động những cay đắng tủi cực cùng tình yêu thương mãnh liệt của nhà văn đối với người mẹ bất hạnh khi gặp lại mẹ.

Câu 2 (1đ) Chiếc lá cụ Bơ-men vẽ là một kiệt tác vì:

- Lá vẽ rất giống thật
- Nhờ nó mà giôn – xi được hồi phục
- Vẽ bằng lòng yêu thương bao la và sự hi sinh cao thượng của con người.

Câu 3 (1đ) Nêu đúng định nghĩa câu ghép

- Câu ghép là câu do hai kết cấu chủ vị trở lên không bao chứa nhau tạo thành, mỗi kết cấu chủ vị được gọi là một vế câu.
- Cho ví dụ đúng và xác định đúng quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghép đó.

Câu 4 (1đ) Nêu được công dụng của dấu ngoặc kép:

- Đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp;
- Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay có hàm ý mỉa mai
- Đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san được dẫn.

Câu 5 (6đ)

* Yêu cầu chung:

- Học sinh biết viết đúng đặc trưng kiểu bài văn thuyết minh.
- Bài văn trình bày mạch lạc, rõ ràng. Diễn đạt trôi chảy, trong sáng; không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp thông thường; chữ viết cẩn thận, sạch đẹp.

* Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có nhiều cách viết khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

a/ Mở bài:

- Giới thiệu khái quát về đồ dùng
- Cảm xúc chung.

b/ Thân bài:

- Nêu đặc điểm, cấu tạo, công dụng của vật dụng ấy.
- Cách sử dụng và bảo quản.
- Vai trò trong cuộc sống.

c/ Kết bài:

Nêu cảm nghĩ của em về vật dụng đó (ở hiện tại và tương lai).

ĐỀ SỐ 4

Câu 1: (1 điểm) Nêu ý nghĩa của văn bản *Ôn dịch, thuốc lá!*

Câu 2: (3 điểm)

a. Câu ghép là gì?

b. Tìm câu ghép trong đoạn trích sau và xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu vừa tìm được?

Biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thắm, biển cũng xanh thắm như dâng cao lên chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương...

(Theo Vũ Tú Nam, Biển đẹp)

Câu 3: (6 điểm) Thuyết minh về một đồ dùng học tập.

Đáp án

Câu 1. Ý nghĩa của văn bản "Ôn dịch, thuốc lá": với những phân tích khoa học, tác giả đã chỉ ra tác hại của việc hút thuốc lá đối với đời sống con người, từ đó phê phán và kêu gọi mọi người ngăn ngừa tệ nạn hút thuốc lá. (1 điểm)

Câu 2. Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V này được gọi là một vế câu. (1 điểm)

- Câu ghép trong đoạn trích: Trời xanh thắm, biển xanh thắm như dâng cao lên chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. (1 điểm)
- Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu: quan hệ điều kiện - kết quả. (1 điểm)

Câu 3.

1. Yêu cầu chung: (1 điểm)

a. Hình thức: GV chấm linh động ở các phần nếu đảm bảo các yêu cầu sau:

- Bài làm sạch đẹp, chữ viết đúng chính tả, câu văn đúng ngữ pháp.
- Biết chọn lọc và sử dụng từ ngữ một cách chính xác. Biết cách sắp xếp ý, đoạn, bố cục bài hợp lí. Diễn đạt mạch lạc, lô gíc, có tính liên kết.

b. Nội dung:

- Làm đúng kiểu đề văn thuyết minh.
- Có sự lựa chọn và sử dụng hợp lí các phương pháp thuyết minh đã học.

2. Yêu cầu cụ thể: Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các ý cơ bản sau:

a. Mở bài:

Giới thiệu chung về đồ dùng học tập (bút, thước, cặp,...). (0,5 điểm)

b. Thân bài: Tập trung thuyết minh về đồ dùng học tập đó:

- Nguồn gốc, hình dáng, màu sắc, chất liệu, cấu tạo... (1,5 điểm)
- Đặc điểm, công dụng của đồ dùng đó... (1,5 điểm)

c. Kết bài:

Suy nghĩ của em về đồ dùng học tập. (0,5 điểm)

Lưu ý: Trên đây là những định hướng mang tính chất khái quát. Trong quá trình chấm, giáo viên cần căn cứ vào tình hình bài làm cụ thể của học sinh để đánh giá phù hợp, tôn trọng sự sáng tạo của các em.